

Bản án số: **03/2025/HSST**
Ngày: 16-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên Tòa: Ông Phạm Quốc Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đạo;
2. Ông Đặng Hoàng Mích.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đinh Bảo Quốc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2024/HSST ngày 20 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

HUỲNH THỊ NGỌC N, sinh ngày 29/12/1985 tại tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: ấp PT, xã PV (nay là xã LT), huyện BD, tỉnh Bến Tre.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bạch T (đã chết); Chồng: Trần Anh L; Có 02 người con, sinh năm 2009 và năm 2014; Có 06 anh, chị, em ruột, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1990.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/9/2024 cho đến nay (Có mặt).

- Bị hại: Lê Thị C, sinh năm 1963 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp PT, xã PV (nay là xã LT), huyện BD, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 08/7/2024, Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp PT, xã PV, huyện BD, tỉnh Bến Tre đi đến nhà bà Lê Thị C, sinh năm 1963 ngụ cùng ấp để tìm bà C nhưng bà C không có nhà, chỉ có cháu bà C là Lê Trâm A, sinh năm 2014. Ngân nói Trâm Anh đi tìm bà C, khi Trâm A đi, quan sát trong nhà không còn ai, N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N quan sát phát hiện chùm chìa khóa tủ trong túi áo của bà C treo trên tường. N lấy chùm chìa khóa, đi vào phòng ngủ của bà C, mở ngăn tủ trên đầu giường, bên trong có 123.000.000 đồng, 01 túi vải màu đỏ bên trong túi có 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 01 chỉ và 01 chiếc nhẫn vàng 24k kiểu khoen lật trọng lượng 02 chỉ. N lấy hết số tài sản trên, đem chùm chìa khóa để lại vị trí ban đầu rồi tẩu thoát khỏi hiện trường. Đến ngày 12/7/2024, bà C phát hiện tài sản bị mất trộm nên trình báo Công an, N lo sợ nên lén lút đem số tiền 110.000.000 đồng và túi vải chứa 03 chiếc nhẫn vàng 24k để trong túi áo của bà C phơi sau nhà mục đích để trả lại cho bà C. N còn cất giấu trong phòng ngủ của mình 10.000.000 đồng và tiêu xài hết 3.000.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ: 120.000.000 đồng và 03 chiếc nhẫn có đặc điểm như trên.

Kết luận giám định số 5070/KL-KTHS ngày 27/8/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Mẫu ký hiệu M1: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 18,7512 gam, gửi giám định có thành phần kim loại chính là vàng (Au), hàm lượng: 99,98%.

Mẫu ký hiệu M2: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 3,7516 gam gửi giám định có thành phần kim loại chính là vàng (Au), hàm lượng: 99,98%.

Mẫu ký hiệu M3: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 7,5001 gam gửi giám định có thành phần kim loại chính là vàng (Au), hàm lượng: 99,76%.

Bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng huyện BD, tỉnh Bến Tre kết luận: tổng cộng 03 chiếc nhẫn bị mất trộm có giá trị là 58.400.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Huỳnh Thị Ngọc N đã bồi thường cho bà C 3.000.000 đồng.

Về vật chứng: cơ quan điều tra đã trả lại cho bà C 120.000.000 đồng và 03 chiếc nhẫn, bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin bãi nại cho bị cáo.

Quá trình điều tra, bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp lời khai người bị hại, tang vật thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSBD ngày 18/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo N và đề nghị:

+ Về tội danh và hình phạt chính:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N từ 02 năm tù đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm về tội “**Trộm cắp tài sản**”.

+ Về xử lý vật chứng: Không có

+ Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà C 120.000.000 đồng và 03 chiếc nhẫn, bị hại đã nhận lại tài sản, bị cáo đã bồi thường cho bị hại 3.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xét đến.

- Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N tự bào chữa: Bị cáo thống nhất với nội dung bản Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện BD đã truy tố. Bị cáo đồng ý với kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Bị hại bà Lê Thị C trình bày đã nhận lại các tài sản mà bị cáo lấy trộm, được bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng, không có yêu cầu gì thêm. Bị hại và bị cáo là hàng xóm với nhau thấy rằng hoàng cảnh gia đình bị cáo đáng thương, đang nuôi con còn nhỏ, chăm sóc cha bệnh, gia đình khó khăn, chỉ vì một phút nông nổi mà thực hiện hành vi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bà vẫn giữ nguyên đơn xin bãi nại, không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nếu bị cáo không thuộc trường hợp này thì bà xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể theo quy định.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, xin lỗi bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa đổi, chăm sóc các con và cha già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện BD, Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình tố tụng tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với các tình tiết của vụ án. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, tang vật thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã đủ cơ sở xác định bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N vào khoảng 10 giờ ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại ấp PT, xã PV (nay là xã LT), huyện BD, tỉnh Bến Tre, Huỳnh Thị Ngọc N đã có hành vi lén lút lấy trộm của bà Lê Thị C số tiền 123.000.000 đồng và 03 chiếc nhẫn vàng có giá trị 58.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 181.400.000 đồng. Do đó bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BD đã truy tố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo lén lút lợi dụng sự sơ hở của bị hại để lấy trộm tài sản là đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, bị cáo nhận thức được tài sản của người khác có được là do quá trình lao động sản xuất mà có, nếu ai có hành vi lén lút lấy trộm thì sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính muốn có tiền tiêu xài cộng với ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi của bị cáo gây ra.

Ngoài ra, hành vi của bị cáo không những gây thiệt hại cho bị hại mà còn tạo hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội nơi thực hiện tội phạm, gây mất an ninh chính trị tại địa phương, gây tâm lý không ổn định trong quần chúng nhân dân lúc nào cũng phải đề phòng kẻ gian thừa cơ hội trộm cắp tài sản nên phải xử lý nghiêm để góp phần cho công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm tại địa phương.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị là 181.400.000 đồng.

[5] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được hưởng là “ Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có 01 tình tiết giảm nhẹ được hưởng là “người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả và hành vi của bị cáo gây ra, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, về hoàn cảnh gia đình bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ, đang nuôi dưỡng cha già bị khuyết tật (có xác nhận của chính quyền địa phương), gia đình hoàn cảnh khó khăn, bị cáo nội trợ chồng làm thuê thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo về cho chính quyền địa phương phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục và ấn định thời gian thử thách cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức trong việc tôn trọng pháp luật, đồng thời góp phần trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung. Việc cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 1, Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đồng thời cũng thể hiện được tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo trong vụ án này.

[9] Về Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Lời phát biểu luận tội, tranh luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa sơ thẩm đối với bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N là có căn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lê Thị C đã nhận tại các tài sản bị mất trộm và được bị cáo bồi thường thiệt hại, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xét đến.

[12] Về xử lý vật chứng: Không có.

[13] Về án phí: Bị cáo N là người bị kết án nên bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 1, Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N **02 (Hai) năm tù**, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **04 (Bốn) năm**, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/01/2025).

Giao bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N cho Ủy ban nhân dân xã LT, huyện BD, tỉnh Bến Tre để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Việc giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc đối với người được hưởng án treo thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Hình sự;

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 33/2024/HSST-LCCT ngày 23/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện BD đối với bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Nhà tạm giữ Công an huyện BD;
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- Cơ quan điều tra Công an huyện BD;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND xã LT;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Duy

